

Bản án số: **880/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 20-5-2026

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hoàng Liễu, ông Lê Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Kim Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở, Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 110/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 958/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1528/2026/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Cẩm T**, sinh ngày 20/02/1989; Số Căn cước số: 093189007417; Nơi cư trú: ấp L, phường L, Thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Bị đơn: Ông **Từ Vĩ T1**, sinh ngày 30/11/1986; CCCD số: 079086020365; Nơi cư trú: E Tổ A, ấp E (ấp 5 cũ), xã T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được - nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Từ Vĩ T1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63, Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) cấp ngày 25/5/2009. Do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, mâu thuẫn trong cuộc sống và công việc, tính cách vợ chồng không hoà hợp, không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Do mục đích hôn nhân không đạt

được nên bà Nguyễn Thị Cẩm T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Từ Vĩ T1.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Từ Vĩ T1 có 02 (hai) con chung là trẻ Từ Bảo Kim N (sinh ngày 20/9/2010) và trẻ Từ Bảo T2 (sinh ngày 28/12/2009). Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Cẩm T đề nghị giao trẻ Từ Bảo Kim N cho bà Nguyễn Thị Cẩm T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao trẻ Từ Bảo Trung cho ông Từ Vĩ T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Từ Vĩ T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Cẩm T giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn ông Từ Vĩ T1 vắng mặt không tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không có yêu cầu gì khác.

Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án ông Từ Vĩ T1 có bản tự khai xác định nội dung vụ việc và yêu cầu khởi kiện như trình bày của nguyên đơn nhưng bản tự khai này không ghi ngày tháng năm và chữ ký của bị đơn.

Tại phiên tòa bị đơn ông Từ Vĩ T1 vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh đã phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Cẩm T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Từ Vĩ T1 và tại thời điểm thụ lý, giải quyết vụ án bị đơn ông T1 iHảicó nơi cư trú tại xã T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Từ Vĩ T1 đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông T1 vẫn vắng mặt không lý do (ông Từ Vĩ T1 có nộp bản tự khai có nội dung thống nhất ý kiến và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bản tự khai này không ghi ngày tháng năm và chữ ký của bị đơn nên chỉ mang tính chất tham khảo). Vì vậy, ông T1 đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu chứng cứ thu thập được để xem xét giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Xét về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 63, Quyển số 01, do Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) cấp ngày 25/5/2009 thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Từ Vĩ T1 và bà Nguyễn Thị Cẩm T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2.1] Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Cẩm T xác nhận trong thời gian chung sống do vợ chồng không hòa hợp, mâu thuẫn trong cuộc sống và công việc, tính cách vợ chồng không hoà hợp, không thể hàn gắn được nên bà T và ông T1 đã sống ly thân. Căn cứ văn bản trả lời xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Cẩm T với ông Từ Vĩ T1 của Ủy ban nhân dân xã T, Thành phố Hồ Chí Minh thì hiện nay bà T, ông Từ Vĩ T1 không còn sống chung với nhau (bà T ở đâu không rõ, ông T1 còn ở địa phương và trong thời gian qua Ủy ban nhân dân xã chưa có tiếp nhận yêu cầu tranh chấp, mâu thuẫn hôn nhân giữa bà T với ông T1).

[2.2.2] Xét lời trình bày của bà Nguyễn Thị Cẩm T và trả lời xác minh tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã T, Thành phố Hồ Chí Minh và tham khảo trình bày của ông T1 tại bản tự khai thì thực tế ông T1, bà T đã sống ly thân từ lâu, không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Từ Vĩ T1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà Nguyễn Thị Cẩm T yêu cầu ly hôn với ông Từ Vĩ T1 là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật

Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà Nguyễn Thị Cẩm T.

[2.3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Từ Vĩ T1 có 02 (hai) con chung là trẻ Từ Bảo Kim N (sinh ngày 20/9/2010) và trẻ Từ Bảo T2 (sinh ngày 28/12/2009). Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Cẩm T đề nghị giao trẻ Từ Bảo Kim N cho bà Nguyễn Thị Cẩm T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao trẻ Từ Bảo Trung cho ông Từ Vĩ T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Từ Vĩ T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Cẩm T về việc giao người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, Hội đồng xét xử xét thấy: theo kết quả trả lời xác minh của Ủy ban nhân dân xã T và trình bày của bà Nguyễn Thị Cẩm T thì hiện tại trẻ N đang sinh sống, sinh hoạt học tập cùng nơi ở của bà T, còn trẻ Trung đang sinh sống, sinh hoạt học tập cùng nơi ở của ông T1. Ngoài ra, theo tham khảo nguyện vọng của các trẻ thì các trẻ có nguyện vọng tiếp tục sinh sống với cha, mẹ của các trẻ như hiện tại nếu cha mẹ các trẻ ly hôn. Do đó, để đảm bảo sự ổn định về tâm sinh lý, sinh hoạt, học tập của các trẻ và phù hợp nguyện vọng của các trẻ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Cẩm T về việc giao người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là các trẻ Từ Bảo Kim N, Từ Bảo Trung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày không có tài sản chung nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm T đối với ông Từ Vĩ T1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với ông Từ Vĩ T1. Giấy chứng nhận kết hôn số 63, Quyền số 01, do Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) cấp ngày 25/5/2009 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Từ Vĩ T1 có 02 (hai) con chung là trẻ Từ Bảo Kim N (sinh ngày 20/9/2010) và trẻ Từ Bảo T2 (sinh ngày 28/12/2009).

Sau khi ly hôn, giao trẻ T4 (Giới tính: Nữ; Sinh ngày 20/9/2010) cho bà Nguyễn Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao trẻ Từ Bảo T2 (Giới tính: Nam; Sinh ngày 28/12/2009) cho ông Từ Vĩ T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Từ Vĩ T1, bà Nguyễn Thị Cẩm T.

Ông Từ Vĩ T1, bà Nguyễn Thị Cẩm T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm T chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí do bà Nguyễn Thị Cẩm T đã nộp theo biên lai thu số 0051565 ngày 22/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Cẩm T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 10 - TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- UBND phường Long Phú 1, thành phố Cần Thơ;
- Lưu: Vp, hồ sơ vụ án.



THẨM PHÁN

Nguyễn Thế Dũng

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi..... giờ phút ngày 20/5/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế D

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê T3, bà Lê Thị Hoàng L

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và gia đình về việc “Tranh chấp ly hôn” thụ lý số 110/2026/TLST-HNGĐ ngày 12/01/2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Cẩm T**, sinh ngày 20/02/1989; Số Căn cước: 093189007417, cấp ngày 05/8/2025 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Từ Vĩ T1**, sinh ngày 30/11/1986; CCCD số: 079086020365, cấp ngày 25/4/2021 (vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Căn cứ khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm T đối với ông Từ Vĩ T1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với ông Từ Vĩ T1. Giấy chứng nhận kết hôn số 63, Quyền số 01, do Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) cấp ngày 25/5/2009 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao trẻ Từ Bảo Kim N (Giới tính: Nữ; Sinh ngày 20/9/2010) cho bà Nguyễn Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giao trẻ Từ Bảo T2 (Giới tính: Nam; Sinh ngày 28/12/2009) cho ông Từ Vĩ T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối

với ông Từ Vĩ T1, bà Nguyễn Thị Cẩm T.

Ông Từ Vĩ T1, bà Nguyễn Thị Cẩm T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Cẩm T chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí do bà Nguyễn Thị Cẩm T đã nộp theo biên lai thu số 0051565 ngày 22/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Cẩm T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ..... phút, ngày 20 tháng 5 năm 2026.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế D